

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 3 – 2021

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Châu, bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 317/2020/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 2000 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 4XX đường M, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Anh Vũ Ngọc M – Sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Ngọc M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên phát sinh tranh cãi, anh M còn đánh đập chị T, hai bên cũng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Ngọc M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Huyền T – Sinh ngày: 17/5/2017. Hiện nay cháu T đang ở với anh M và ông bà nội là bố mẹ của anh M. Để không ảnh hưởng đến tâm lý và học hành của cháu nên chị T đồng ý giao cháu T cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vũ Ngọc M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng cho anh Vũ Ngọc M nhưng anh M đều không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh M được.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/10/2020 và ngày 28/10/2020 tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Anh Vũ Ngọc M có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, giữa chị T và anh M có phát sinh mâu thuẫn nên hiện nay chị T và anh M không còn chung sống với nhau từ lâu.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Ngọc M không chấp hành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Ngọc M.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Huyền T, sinh ngày 17/5/2017 cho anh Vũ Ngọc M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Vũ Ngọc M có địa chỉ tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vũ Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Ngọc M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, chị T có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của nguyên đơn thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng chị T và anh M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh M còn đánh đập chị T, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Tại biên bản xác minh tại địa phương cũng thể hiện việc vợ chồng chị T, anh M đã không còn chung sống từ lâu. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là cháu Vũ Huyền T, sinh ngày 17/5/2017, hiện cháu T đang ở với anh M và ông bà nội là bố mẹ của anh M. Chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Xét việc hiện nay cháu T vẫn đang ở với anh M và gia đình anh M vẫn đang được nuôi dưỡng và học tập bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh M không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Huyền T (Sinh ngày: 17/5/2017) cho anh Vũ Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Ngọc M không có yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016273 ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Q;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Tuấn